TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày 13/7/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Loan.

Nghề nghiệp: Giáo viên, Hiệu trưởng Trường Tiểu học xã Hoằng Cát.

Ông Lê Xuân Thư.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn N**; sinh ngày 05/3/2002 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Lê Thị T; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2020. Có mặt.

2. **Lê Thành N**; sinh ngày 02/4/2002 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Lê Thị X; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2020. Có mặt.

3. **Nguyễn Thanh S;** sinh ngày 03/9/2000 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:

Không xác định và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2020. Có mặt.

4. **Chu Minh V**; sinh ngày 20/02/2001 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Thiện L và bà Chu Thị M; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 24/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2018; bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2020. Có mặt.

5. **Nguyễn Thế T**; sinh ngày 11/9/2003 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng 18 ngày) tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố X, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngặn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. C**hu Đình T**; sinh ngày 15/9/1999 tại Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Đình T và bà Trương Thị L; vợ, con: Chưa; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế T: Bà Lê Thị P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin vắng mặt và gửi bài bào chữa tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 là mẹ đẻ của bị cáo. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị hại:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 15, đường B 19, phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/01/2006. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 là mẹ đẻ Nguyễn Văn H. (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1985. Vắng mặt.

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Đều địa chỉ: Số 50, đường DCK, ấp T 2, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Bùi Thị O, sinh năm 1961. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Đầu tháng 6/2020, Chu Đình T phát hiện nhà bà Phạm Thị H, ở thôn L, xã T, huyện H thường không có người ở nhà nên T có ý định trộm cắp tài sản; ngày 06/6/2020 T chuẩn bị đem theo chiếc búa đinh, xà cầy bỏ vào trong túi đeo và điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, không gắn biển số đến quán Internet nhà ông H tại xã T rủ Chu Đình V đi trộm cắp tài sản, V đồng ý; đến khoảng 23^{h} cùng ngày, T chở V đến quán Internet nhà bà N ở xã N rủ Lê Thành N, Lê Văn N đi trộm cắp tài sản, cả hai đồng ý; T chở V, N, N đi đến ngã năm, xã T thì V thay T điều khiển xe; cả nhóm đi đến tượng đài xã T rồi dừng lại; tại đây một mình T điều khiển xe môtô đi qua nhà bà Phạm Thị H để quan sát còn V, N, N ở lại chờ. Sau khi quan sát thấy nhà bà H không có ai ở nhà thì T quay lại đưa xe cho V điều khiển chở T, N và N đến khu vực ngã tư gần nhà bà H thì dừng lại; V nói N đứng trông xe và cảnh giới còn T, V và N đi lại cổng nhà bà H. V dùng búa đinh, xà cầy mà T mang theo phá khóa cửa cổng rồi cả ba vào trong nhà tìm kiếm tài sản, phát hiện chiếc két sắt để tại góc phòng ngủ, cạnh giường; V và T vật két sắt xuống rồi cùng N khiêng ra ngoài, gọi N dắt xe máy lại đặt két sắt lên yên, V điều khiển xe chở két sắt, T ngồi sau ôm két còn N và N đi hai bên dựa két ra bãi biển về phía xã H. Khi ra đến bãi biển cả nhóm thay nhau dùng búa đinh, xà cầy đập, nạy, phá cửa két sắt, phá được cửa két N cầm đèn điện thoại rọi vào thấy bên trong có các giấy tờ và sổ trích lục đất màu đỏ, V bảo N đi lại vị trí xe để trông người, sau đó V tiếp tục phá ngăn nhỏ két sắt thì thấy bên trong có các tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng buộc dây nịt và tập tiền mệnh mệnh giá 200.000 đồng không buộc dây đựng trong vỏ hộp điện thoại. V nhặt toàn bộ các tập tiền trên bỏ vào trong túi đeo rồi lấy chiếc túi vải màu đỏ có dây rút đựng vàng ở trong két đưa cho T. Lấy xong tài sản V, T, N khiêng chiếc két sắt mang ra biển vứt. Tổng số tiền trộm cắp 50.500.000 đồng các bị cáo đã chia nhau gồm V hưởng 31.500.000 đồng, T hưởng 15.000.000 đồng, N hưởng 2.000.000 đồng, N hưởng 2.000.000 đồng; còn số vàng gồm dây

chuyền và nhẫn đeo tay thì T bán cho một cửa hàng mua bán vàng ở Thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được tên cửa hàng, địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được). Ngày 20/8/2020 Lê Thành N và Lê Văn N đã đến Công an huyện Hoằng Hóa đầu thú về hành vi phạm tội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra có yêu cầu định giá tài sản số 64/CSĐT ngày 14/12/2020 định giá tài sản gồm 01 dây chuyền 03 chỉ, 01 nhẫn tròn 02 chỉ đều bằng vàng nhãn hiệu Kim Chung 9999; Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoằng Hóa có Công văn số 12/HĐĐG-HH từ chối việc định giá trong tố tụng hình sự do tài sản cần định giá chưa thu hồi được và không cung cấp được kết quả trưng cầu giám định.

Phần dân sự: Bị hại bà Phạm Thị H báo cáo tổng tài sản bị mất gồm số tiền mặt 50.500.000 đồng, số vàng bị mất 01 dây chuyền dạng xích 03 chỉ, 01 nhẫn tròn đeo tay 02 chỉ đều bằng vàng nhãn hiệu Kim Chung 9999. Tổng trị giá vàng bị mất 23.000.000 đồng; chiếc két đề nghị bồi thường 500.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại bà Phạm Thị H yêu cầu bồi thường là 74.000.000 đồng. Đối với thiệt hại khác do hành vi phá cửa để vào nhà trộm cắp tài sản trị giá thiệt hại không lớn, bị hại không có đề nghị bồi thường dân sự.

Công văn số 89/CV-VKSHH ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa: Hội đồng xét xử đã Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 20/2021/HSST-QĐ ngày 05/5/2021, quá trình điều tra bổ sung xác định ông Nguyễn Đình N khai nhận vào ngày 04/6/2020 ông N đưa bố vợ về quê ở xã X, huyện N và ở lại Thanh Hóa đến khoảng ngày 10/6/2020 mới quay lại Thành phố Hồ Chí Minh nên thời gian này ông không cùng Chu Đình T đi làm và không cùng ăn cơm với T. Mặt khác các lời khai bổ sung của Chu Minh V, Lê Thành N, Lê Văn N giữ nguyên lời khai và khẳng định Chu Đình T cùng với V, N, N thực hiện hành vi trộm cắp tại nhà bà H đêm ngày 06 rạng sáng ngày 07/6/2020. Do đó giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 06a/CT-VKSHH ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Vụ thứ hai: Khoảng cuối tháng 7/2020, Nguyễn Thanh S đi qua nhà bà Đỗ Thị B ở phố V, thị trấn B, huyện H thấy không có người ở nhà nên S có ý trộm cắp tài sản; sau đó S rủ Lê Văn T, Lê Thành N đi trộm cắp và hẹn T, N xuống quán Internet Đ để tiện đi trộm cắp tài sản; đến tối ngày 28/7/2020, S rủ Nguyễn Thế T và Chu Minh V, thì T và V đồng ý. Sau đó S về nhà lấy một chiếc búa đinh, một chiếc tuavít bỏ trong túi đeo và một sợi dây thừng bỏ trong túi nilon màu đỏ rồi thuê xe Taxi xuống đón V và T tại quán Internet nhà ông H ở xã T. Cả nhóm đi Taxi đến gần cổng làng D, xã Đ thì xuống xe; T cầm túi nilon đựng dây thừng cùng V đứng đợi, còn S đi bộ vào quán Internet Đ gọi N, T và Nguyễn Văn H (sinh ngày 10/01/2006 ở thị trấn B, huyện N) đi trộm cắp tài sản. Lúc này S điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, không gắn biển số (xe của T) chở T và H, còn N điều khiển xe máy điện BKS 36MĐ1-323… (xe máy điện của mẹ N) đi ra cổng làng D nơi mà V, T đang đợi. Đến 00^{h} ngày 29/7/2020, S điều khiển xe môtô chở T và V đi trước, N đi xe máy điện

chở T, H theo sau đi đến nhà bà Đỗ Thị B. Lúc này S, N dắt xe môtô và xe máy điện lại cạnh xe rác giấu, rồi quay lại S nói T, H ra phía Đông ngôi nhà còn N lại vị trí cất xe cạnh xe rác đứng để canh gác; S, V và T đi lại phía trước cửa cổng, V lấy dây thừng từ T buộc vào người rồi trèo từ dây chống sét lên mái tôn tầng 3, rồi dùng dây thừng kéo lần lượt S, T lên mái tôn, S mở nắp đậy bằng tôn theo lối thang sắt gắn ở tường xuống tum nhà rồi dùng xà beng của nhà bà B phá cửa và mở chốt đi xuống tầng hai. S nói V và T xuống tầng một còn S tìm kiếm tài sản tại khu vực tầng 2. Khi V, T xuống gần đến tầng 1 thì lúc này, S phát hiện có một phòng không khóa cửa, chìa khóa cắm trong ổ khóa nên gọi V, T quay lên đi vào trong phòng, T dùng bật lửa bật lên soi thì phát hiện có chiếc két sắt, cả ba đẩy vật chiếc két sắt nằm ngửa xuống, S sử dụng búa đinh, tuavít mang theo cạy phá cửa két sắt nhưng không được. Sau đó cả S, V và T dùng xà beng cùng nhau phá cửa két sắt. Khi phá được cửa thì S và V tiếp tục dùng búa đinh, tuavít nạy, phá cửa ngăn nhỏ bên trong. Sau đó S lấy ra một tập tiền mệnh giá 200.000 đồng có buộc dây vòng nịt đưa cho V rồi tiếp tục lấy các tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, 100.000 đồng có buộc dây vòng nịt và một tập tiền đủ các loại mệnh giá không buộc dây bỏ vào túi đeo. S lấy một chiếc túi vải có dây rút đựng dây chuyền, lắc tay, vàng miếng, bông tai, nhẫn đeo tay đều bằng vàng trong két sắt bỏ vào túi đeo; lấy xong tài sản trong két, V đưa lại tập tiền mệnh giá 200.000 đồng có buộc dây vòng nịt lại cho S bỏ vào túi đeo sau đó cả ba dựng chiếc két sắt lại vị trí cũ và theo lối cũ cả nhóm đi về đến cây xăng ở xã Đ thì S chia cho V 3.000.000 đồng, T 3.000.000 đồng và đưa cho N 10.000.000 đồng để chia cho T, N và H, chia tiền xong cả nhóm đi về; đến khoảng 08^h ngày 29/7/2020, S bắt xe Taxi đến quán Internet N đón V và T lên thị trấn B, đến một cửa hàng vàng S không nhớ rõ tên và địa chỉ S một mình xuống xe đem số vàng trộm cắp được vào cửa hàng mua bán vàng bạc (không nhớ rõ tên và cửa hàng) gặp một người phụ nữ đi từ trong hàng vàng ra bán được 7.000.000 đồng; sau đó S chia tiếp cho V 30.000.000 đồng, cho T 28.000.000 đồng, số còn lại 53.000.000 đồng phần S. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra theo như bị cáo khai báo nhưng không xác định và thu giữ được số vàng trên.

Ngày 14/12/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra có yêu cầu định giá tài sản số 65/CSĐT yêu cầu định giá đối với 01 dây chuyền loại dây xích, trọng lượng 01 cây; 02 miếng vàng hình chữ nhật, trọng lượng 02 cây; 04 miếng vàng hình chữ nhật có in hình thần tài, trọng lượng 04 chỉ; 01 lắc tay, trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai trọng lượng 02 chỉ; 10 chiếc nhẫn tròn, trọng lượng 10 chỉ đều là vàng 9999, nhãn hiệu Kim Chung là tài sản bị trộm cắp tại nhà bà B; ngày 15/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoằng Hóa có Công văn số 13/HĐĐG-HH từ chối việc định giá do tài sản định giá chưa thu hồi được và không cung cấp được kết quả trưng cầu giám định.

Phần dân sự: Bị hại bà Đỗ Thị B báo cáo tài sản bị mất gồm số tiền mặt 120.000.000 đồng; số vàng bị mất tổng 05 cây tính thành tiền tại thời điểm bị mất là 250.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị mất theo bà B báo cáo là 370.000.0000 đồng; đối với chiếc két và thiệt

hại do hành vi phá cửa để vào nhà trộm cắp tài sản trị giá thiệt hại không lớn bị hại không yêu cầu bồi thường.

Ngoài ra quá trình điều tra Lê Văn T và Nguyễn Văn H cùng thực hiện các lần trộm cắp sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 23^h ngày 16/7/2020, Lê Văn T đột nhập vào Mẫu Tử ở thôn 5, xã N, huyện H thực hiện trộm cắp số tiền 9.200.000 đồng, số tiền trộm cắp được T và H sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Sau khi tham gia trộm cắp tài sản của nhà bà Đỗ Thị B ở thị trấn B, Lê Văn T và Nguyễn Văn H có về phòng trọ, có vào đền thờ Đức Thánh Đờn ở thôn B, xã T, huyện H trộm cắp số tiền 7.200.000 đồng tiền mặt, T và H sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 3**:** Khoảng 23^h ngày 15/8/2020, Lê Văn T và Nguyễn Văn H cùng rủ nhau đến Nghè Thánh ở thôn Đ, xã H trộm cắp số tiền 6.700.000 đồng, cả hai đã sử dụng tiêu xài chung hết số tiền trộm cắp trên.

Vụ thứ 4: **N**gày 18/8/2020, T và H vào nhà thờ họ Lê Xuân ở thôn Đ, xã T trộm cắp số tiền 2.500.000 đồng, số tiền này T và H đã cùng sử dụng tiêu xài hết.

Về vật chứng: 02 đoạn thép dài 20cm được đánh bè, rộng nhất 1cm, có một đầu cong, nhọn, một đầu bè; 01 lưỡi cưa, loại 2 lưỡi, dài 31cm, rộng 02cm; 01 chiếc xà beng bằng thép có 6 cạnh, một đầu nhọn, một đầy bè, dài 135cm (bà B giao nộp); 01 xe môtô không gắn biển kiểm soát, màu sơn bạc, số khung không có, số máy 00446776 và số tiền 2.033.000 đồng (thu giữ của T) được chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Suzuki màu xanh đen, không gắn biển kiểm soát, có số máy: RLSBE49L090154347 và 01 biển kiểm soát xe máy 36K7-4070 được dán băng keo màu đỏ che kín phần số 36K7-4070 là xe do T dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra, T đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan điều tra chưa xác định và xử lý được chiếc xe trên, cơ quan điều tra đang quản lý và sẽ xử lý trong vụ án của Lê Văn T.

Đối với chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha bị cáo T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tại nhà bà H là xe của T, sau đó T đem vào Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng rồi bán lại cho một người không biết tên tuổi, địa chỉ và cùng không nhớ rõ biển kiểm soát nên không thu giữ được; đối với chiếc búa đinh, xà cầy là công cụ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, T đã ném ở trên đường đi, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trong vụ trộm cắp tại thị trấn B, các bị cáo đã sử dụng chiếc môtô nhãn hiệu Honda Dream, không gắn biển số là xe do T mượn nhưng hiện tại T bỏ trốn, đang bị truy nã nên cơ quan điều tra chưa xác định và thu giữ được phương tiện trên.

Đối với chiếc xe máy điện BKS 36MĐ1-323… do bị cáo N dùng làm phương tiện đi trộm cắp, đăng ký tên Lê Thị D ở thôn 4, xã H, chị D đã bán lại cho bà Lê Thị X là mẹ của

N, bà X cho N mượn đi lại không biết N dùng vào việc trộm cắp nên cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với chiếc búa đinh, tua vít, sợi dây thừng Nguyễn Thanh S dùng làm công cụ phạm tội, S đã vứt tại một bãi rác trên đường đi ra Hà Nội và không xác định được vị trí nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cáo trạng số 06a/CT-VKSHH ngày 29 tháng 3 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Thành N, Lê Văn N, Chu Minh V, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thế T, Chu Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Công văn số 89/CV-VKSHH ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa về việc giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 06a/CT-VKSHH ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 357; Điều 468; khoản 2 Điều 586; Điều 587; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Chu Minh V từ 05 năm tù đến 06 năm tù; Lê Thành N từ 04 năm tù đến 05 năm tù; Nguyễn Thanh S từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù; Chu Đình T từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù; Lê Văn N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù; Nguyễn Thế T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo Chu Minh V, Chu Đình T, Lê Thành N, Lê Văn N liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị H số tiền 50.500.000 đồng; chia phần theo số tiền các bị cáo được hưởng.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh S, Chu Minh V, Lê Thành N, Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị T (người đại diện cho Nguyễn Văn H) liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị B số tiền 120.000.000 đồng; chia phần theo số tiền các bị cáo được hưởng. Giành quyền dân sự cho Lê Thành N đối với số tiền N bồi thường cho Lê Văn T khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật dân sự.

Chấp nhận việc đã bồi thường của Chu Minh V 30.000.000 đồng, Nguyễn Thế T 31.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị B, phần còn lại của Chu Minh V 3.000.000 đồng buộc bị

cáo bồi thường tiếp.

Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền vàng 23.000.000 đồng của bị cáo Chu Đình T cho bà Phạm Thị H; số tiền vàng 250.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh S cho bà Đỗ Thị B.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn thép dài 20cm, một đầu nhọn, một đầu bè; 01 lưỡi cưa 31x02cm; 01 xà beng bằng thép có 06 cạnh, một đầu nhọn, một đầu bè, dài 135cm; tiếp tục quy trữ 01 xe môtô không rõ loại, không biển kiểm soát, không có số khung, có số máy 00446776, số tiền 2.033.000 đồng thu giữ của Lê Văn T tại Chi cục Thi hành án dân sự và được xử lý trong vụ án đối với Lê Văn T.

Án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo Nguyễn Thế T được gửi đến phiên tòa: Thống nhất với Cáo trạng của VKSND Hoằng Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Thế T; đề nghị HĐXX xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo T là bố mẹ ly hôn, T ở với mẹ, nhưng mẹ thường xuyên vắng nhà nên thiếu sự chỉ dẫn, định hướng cho T trong nhận thức; T phạm tội khi mới qua tuổi 16, nên thiếu hiểu biết pháp luật; T đã có tác động với cậu ruột bồi thường toàn bộ số tiền 31.000.000 đồng được hưởng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Chu Minh V, Lê Thành N, Nguyễn Thanh S, Lê Văn N, Nguyễn Thế T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Chu Đình T tại phiên tòa ngày 04, 05/5/2021 và phần đầu của phần xét hỏi tại phiên tòa hôm nay bị cáo không nhận thực hiện hành vi phạm tội, mà cho rằng ngày 06, 07/6/2020 bị cáo đang ở nhà ông Nguyễn Đình N ở số 50, đường DCK, ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tại phiên tòa bị hại bà Phạm Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 50.500.000 đồng; yêu cầu Chu Đình T bồi thường số vàng 05 chỉ, trị giá 23.000.000 đồng; không yêu cầu bồi thường giá trị chiếc két sắt, giấy tờ và thiệt hại do hành vi phá cửa khi các bị cáo thực hiện việc trộm cắp.

Bị hại bà Đỗ Thị B yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 120.000.000 đồng; yêu cầu Nguyễn Thanh S bồi thường số vàng tổng 05 cây trị giá 250.000.000 đồng; không yêu cầu bồi thường giá trị chiếc két sắt, chiếc xà beng và thiệt hại do hành vi phá cửa khi các bị cáo

thực hiện việc trộm cắp. Bà B đã nhận số tiền bồi thường của bị cáo Nguyễn Thế T 31.000.000 đồng, bị cáo Chu Minh V số tiền 30.000.000 đồng; bà B đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chu Minh V và Nguyễn Thế T.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Vụ thứ nhất: Chu Đình T biết được nhà bà Phạm Thị H không có người ở nhà nên ngày 06/6/2020, T đem theo búa đinh, xà cầy bỏ vào trong túi đeo và đi xe môtô Honda Wave Alpha không gắn biển số rủ Chu Đình V, Lê Thành N, Lê Văn N đi trộm cắp tài sản; đến khoảng 23^{h} cùng ngày, cả nhóm đi đến tượng đài xã T rồi dừng lại; một mình T đi xe môtô đi qua nhà bà Phạm Thị H để quan sát, còn V, N, N ở lại chờ; sau khi quan sát thấy nhà bà H không có ai ở nhà, T quay lại đưa xe cho V điều khiển chở T, N và N đến khu vực ngã tư gần nhà bà H thì dừng lại; V nói N đứng trông xe và cảnh giới còn T, V và N đi bộ lại cổng ngõ nhà bà H; V dùng búa đinh, xà cầy mà T mang theo phá khóa cửa cổng rồi cả ba vào trong nhà tìm kiếm tài sản, phát hiện chiếc két sắt để ở góc phòng ngủ; V và T vật két sắt xuống rồi cùng N khiêng ra ngoài, gọi N dắt xe máy lại đặt két sắt lên yên xe, V điều khiển xe chở két sắt, T ngồi sau ôm két còn N, N đi hai bên dựa két ra bãi biển về phía xã H; khi ra đến bãi biển cả nhóm thay nhau dùng búa đinh, xà cầy đập, nạy, phá cửa két sắt; sau khi phá két N dùng đèn điện thoại rọi vào thấy bên trong có các giấy tờ và sổ trích lục đất màu đỏ, V bảo N đi lại vị trí xe để trông người, sau đó V tiếp tục phá ngăn nhỏ két sắt thì thấy bên trong có các tập tiền mệnh giá 500.000 đồng; 200.000 đồng đựng trong vỏ hộp điện thoại; V lấy các tập tiền trên bỏ vào trong túi đeo rồi lấy chiếc túi vải màu đỏ có dây rút đựng vàng ở trong két đưa cho T. Lấy xong tài sản V, T, N khiêng chiếc két sắt mang ra biển vứt.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt được số tiền 50.500.000 đồng; V đã chia cho các bị cáo T 15.000.000 đồng, N 2.000.000 đồng, N 2.000.000 đồng và V hưởng 31.500.000 đồng;

còn số vàng gồm dây chuyền và nhẫn đeo tay thì T cầm rồi sau đó đi vào Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một cửa hàng mua bán vàng được 8.000.000 đồng và T sử dụng hết.

Vụ thứ hai: Nguyễn Thanh S thấy nhà bà Đỗ Thị B không có người ở nhà nên có rủ Lê Văn T, Lê Thành N đi trộm cắp; đến tối ngày 28/7/2020, S có chuẩn bị một chiếc búa đinh, một chiếc tua vít, một sợi dây thừng rồi rủ Nguyễn Thế T và Chu Minh V đi trộm cắp; cả nhóm đi Taxi đến gần cổng làng D, xã Đ xuống xe; T và V đứng đợi, còn S đi vào quán Internet Đ gọi Lê Thành N, Lê Văn T và Nguyễn Văn H; lúc này S điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Dream của T, chở T, H; N điều khiển xe máy điện BKS 36MĐ1-323… đi ra nơi mà V, T đang đợi; đến 00^h ngày 29/7/2020, S đi xe môtô chở T và V đi trước, N đi xe máy điện chở T, H theo sau đi đến nhà bà Đỗ Thị B; lúc này S, N dắt xe môtô và xe máy điện lại vị trí cạnh xe rác giấu, rồi quay lại S nói T, H ra phía Đông ngôi nhà còn N lại vị trí cất xe đứng để canh gác; S, V và T đi lại phía trước cửa cổng, V lấy dây thừng từ T buộc vào người rồi trèo theo dây chống sét lên mái tôn tầng 3, dùng dây thừng kéo lần lượt S, T lên mái tôn, S mở nắp đậy bằng tôn theo lối thang sắt gắn ở tường xuống tum nhà rồi dùng xà beng của nhà bà B phá cửa và mở chốt đi xuống tầng hai; S nói V và T xuống tầng một còn S tìm kiếm tài sản tại tầng 2; khi V, T xuống gần đến tầng 1 thì S phát hiện có một phòng không khóa cửa, chìa khóa cắm trong ổ khóa nên gọi V, T quay lên đi vào trong phòng, T dùng bật lửa soi thì phát hiện có chiếc két sắt, cả ba vật ngửa chiếc két sắt, S dùng búa đinh, tua vít mang theo cạy phá cửa két sắt nhưng không được; sau đó cả S, V và T dùng xà beng phá cửa két sắt; khi phá được cửa thì S và V tiếp tục dùng búa đinh, tua vít nạy, phá cửa ngăn nhỏ bên trong; sau đó S lấy ra một tập tiền mệnh giá 200.000 đồng đưa cho V rồi tiếp tục lấy các tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, 100.000 đồng có buộc dây vòng nịt và một tập tiền nhiều mệnh giá không buộc dây bỏ vào túi. S lấy một chiếc túi vải màu gụ có dây rút đựng dây chuyền, lắc tay, vàng miếng, bông tai, nhẫn đeo tay trong két sắt bỏ vào túi đeo. Lấy xong tài sản trong két, V đưa lại tập tiền mệnh giá 200.000 đồng cho S bỏ vào túi đeo, sau đó cả ba dựng chiếc két sắt lại vị trí cũ và theo lối cũ cả nhóm đi về đến cây xăng ở xã Đ thì S chia cho V 3.000.000 đồng, T 3.000.000 đồng và đưa cho N 10.000.000 đồng để chia cho T, N và H, chia tiền xong cả nhóm đi về; đến khoảng 08^h ngày 29/7/2020, S bắt xe Taxi đến quán Internet N đón V và T lên thị trấn B, đến một cửa hàng vàng (S không nhớ rõ tên và địa chỉ) S một mình xuống xe đem số vàng trộm cắp được vào cửa hàng vàng bạc thì gặp một người phụ nữ đi từ trong hàng vàng ra, S bán số vàng cho người phụ nữ được 7.000.000 đồng; sau đó S chia tiếp cho V 30.000.000 đồng, cho T 28.000.000 đồng, số còn lại 53.000.000 đồng phần S.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã yêu cầu định giá tài sản là số vàng gồm 01 dây chuyền 3 chỉ, 01 nhẫn tròn 2 chỉ trộm cắp nhà bà Phạm Thị H; 05 cây vàng gồm dây chuyền, vàng miếng, lắc tay, bông tai, nhẫn tròn trộm cắp ở nhà bà Đỗ Thị B. Tài sản yêu cầu định giá do không thu hồi được, không xác định được loại tài sản (tài sản là kim khí

quý), nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoằng Hóa đã từ chối thực hiện định giá tài sản, do đó định lượng tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt được xác định trong vụ trộm cắp nhà bà Phạm Thị H là 58.500.000 đồng (gồm 50.500.000 đồng và 8.000.000 đồng bị cáo T thừa nhận đã bán vàng); trong vụ trộm cắp nhà bà Đỗ Thị B là 127.000.000 đồng (gồm 120.000.000 đồng và 7.000.000 đồng bị cáo S thừa nhận đã bán vàng).

Hành vi của các bị cáo Chu Minh V, Lê Thành N, Lê Văn N, Nguyễn Thanh S, Chu Đình T và Nguyễn Thế T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Với động cơ tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác các bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, chủ tài sản vắng nhà để chiếm đoạt tài sản, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Trong vụ án các bị cáo phạm tội là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nhưng cần cá thể hóa hình phạt để phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đối với bị cáo Chu Minh V trực tiếp thực hiện 02 lần phạm tội, số tiền hưởng lợi trong từng vụ trộm số lượng nhiều hơn các bị cáo khác nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại; đối với bị cáo Lê Thành N cũng trực tiếp thực hiện 02 lần phạm tội với vai trò tích cực nên xếp ở vai trò tiếp theo sau V, chịu hình phạt thấp hơn so với V; đối với bị cáo Nguyễn Thanh S là người trực tiếp chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, được hưởng lợi nhiều nhất trong số các bị cáo nên cũng chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại; đối với bị cáo Chu Đình T là người chuẩn bị phương tiện công cụ phạm tội, tích cực trong việc thực hiện tội phạm, là người được hưởng lợi nhiều, số vàng chiếm đoạt được bị cáo đã bán và hưởng lợi toàn bộ nên bị cáo cũng phải chịu mức hình phạt tương ứng nhưng thấp hơn so với bị cáo V; đối với bị cáo Lê Văn N là người trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng mức độ hạn chế hơn, số tiền hưởng thụ cũng ít hơn nên bị cáo chịu mức hình phạt thấp hơn so với V, T và N; đối với bị cáo Nguyễn Thế T là người trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng mức độ hạn chế hơn nên bị cáo phải chịu mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo V, S và N.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thành N, Chu Minh V thực hiện 2 lần trộm cắp chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52; bị cáo Nguyễn Thanh S xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội chịu tình tiết tăng nặng là "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ

luật Hình sự.

Các bị cáo Chu Đình T, Lê Văn N, Nguyễn Thế T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Chu Đình T, ngày 24/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đã được xóa án, do đó khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân của bị cáo.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về việc thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Chu Minh V, Nguyễn Thế T đã tác động với gia đình bồi thường cho người bị hại bà Đỗ Thị B một phần số tài sản các bị cáo chiếm đoạt, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo V, T; các bị cáo Lê Thành N, Lê Văn N sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó áp dụng các quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[7] Bị cáo Nguyễn Thế T khi phạm tội mới 16 tuổi 10 tháng 18 ngày nên áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội, mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục là phù hợp.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Số tài sản các bị chiếm đoạt chiếm đoạt của các bị hại và chia nhau hưởng thụ, do đó cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại và chia phần cho các bị cáo theo phần mà các bị cáo hưởng thụ. Cụ thể:

Bị hại Phạm Thị H: Các bị cáo chiếm đoạt số tiền 50.500.000 đồng, các bị cáo được hưởng gồm Lê Thành N 2.000.000 đồng, Lê Văn N 2.000.000 đồng, Chu Minh V 31.500.000 đồng, Chu Đình T 15.000.000 đồng, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà H và chia phần theo số tiền các bị cáo đã hưởng.

Còn đối với số vàng của bà H, sau khi trộm cắp được bị cáo T đã quản lý số vàng này và đi vào Thành phố Hồ Chí Minh, bán cho cửa hàng vàng được số tiền 8.000.000 đồng, không xác định được cửa hàng, địa chỉ ở đâu, số tiền bán vàng một mình T hưởng và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường trị giá vàng số tiền 23.000.000 đồng, bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại, xét việc bồi thường số tiền vàng này của bị cáo T là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận việc tự nguyện của bị cáo T.

Đối với thiệt hại do hành vi phá cửa để vào nhà trộm cắp tài sản, chiếc két sắt, giấy tờ quyền sử dụng đất đã mất bà H không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xét.

Bị hại Đỗ Thị B: Các bị cáo chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng, các bị cáo được hưởng Nguyễn Thanh S 46.000.000 đồng, Lê Thành N 7.000.000 đồng, Chu Minh V 33.000.000 đồng, Nguyễn Thế T 31.000.000 đồng và Nguyễn Văn H 3.000.000 đồng, buộc

các bị cáo và người đại diện cho Nguyễn Văn H liên đới bồi thường cho bà B và chia phần theo số tiền các bị cáo đã hưởng.

Đối với Lê Thành N được S chia cho 10.000.000 đồng để đưa cho H và Lê Văn T; số tiền 3.000.000 đồng N đưa cho H, H phải có nghĩa vụ bồi thường, còn phần N đưa cho T, hiện nay T đã trốn và đang truy nã, đã tách vụ án nên phần N đưa cho T buộc N có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại và giành quyền dân sự cho Lê Văn N số tiền Nhân đã đưa cho T bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật dân sự.

Đối với Nguyễn Thế T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, bị cáo không có tài sản riêng nên nghĩa vụ bồi thường thuộc về bố mẹ của bị cáo, quá trình điều tra bố mẹ bị cáo T đều không có mặt, số tiền bị cáo được hưởng thụ là 31.000.000 đồng; trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo và người thân (cậu ruột bị cáo) đã bồi thường cho bị hại Đỗ Thị B 31.000.000 đồng phần của bị cáo được hưởng thụ. Chấp nhận việc bồi thường xong phần của bị cáo T.

Đối với Nguyễn Văn H khi phạm tội chưa đủ 14 tuổi, nên bố mẹ Nguyễn Văn H nghĩa vụ bồi thường, số tiền bị cáo được hưởng thụ là 3.000.000 đồng nên buộc bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp có nghĩa vụ bồi thường.

Đối với Chu Minh V được hưởng 33.000.000 đồng, đã bồi thường được 30.000.000 đồng cho bà B, còn lại 3.000.000 đồng buộc bị cáo bồi thường tiếp.

Còn đối với số vàng của bà B, sau khi trộm cắp bị cáo S đã quản lý số vàng này và bán cho một người không quen biết được số tiền 7.000.000 đồng, không xác định được người mua vàng, địa chỉ ở đâu, số tiền bán vàng một mình S hưởng và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường 250.000.000 đồng, bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại, xét việc bồi thường số tiền vàng này của bị cáo S là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận việc tự nguyện của bị cáo S.

Đối với thiệt hại do hành vi phá cửa để vào nhà trộm cắp tài sản, chiếc két sắt, bị hại bà B không có đề nghị bồi thường dân sự nên không xét.

[9] Về vật chứng: 02 đoạn thép dài 20cm, một đầu nhọn, một đầu bè; 01 lưỡi cưa kích thước 31x02cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng; 01 xà beng bằng thép có 06 cạnh, một đầu nhọn một đầu bè, dài 135cm là tài sản của gia đình bà B, bà B không yêu cầu trả lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe môtô không rõ loại, không gắn biển kiểm soát, không có số khung, có số máy 00446776, không xác định được chủ sở hữu, thu giữ của Lê Văn T, T đã sử dụng trong các lần thực hiện trộm cắp và số tiền 2.033.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo Ủy nhiệm chi ngày 16/4/2021 của đơn vị trả tiền là Công an huyện Hoằng Hóa đây là số tiền thu giữ của Lê Văn T trong vụ án khác và hiện nay Lê Văn T đã bỏ trốn đang truy nã, vụ án đã được tách, nên xe môtô và số tiền trên tiếp tục được quy trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự được xử lý trong vụ án đối với Lê Văn T.

[10] Án phí: Các bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Minh V.

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thành N.

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh S.

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Đình T.

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn N.

Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế T.

Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 357; Điều 468; khoản 2 Điều 586; Điều 587 của Bộ luật Dân sự;

Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Chu Minh V, Lê Thành N, Nguyễn Thanh S, Chu Đình T, Lê Văn N và Nguyễn Thế T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt:

1. Bị cáo Chu Minh V **05** (*Năm*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2020.

2. Bị cáo Lê Thành N **04** (*Bốn*) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020.

3. Bị cáo Nguyễn Thanh S **03** (*Ba*) năm **09** (*Chín*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2020.

4. Bị cáo Chu Đình T **03** (*Ba*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2020.

5. Bị cáo Lê Văn N **02** (*Hai*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020.

6. Bị cáo Nguyễn Thế T **02** (*Hai*) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04** (*Bốn*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Nguyễn Thế T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc các bị cáo Chu Minh V, Chu Đình T, Lê Thành N, Lê Văn N liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị H số tiền 50.500.000 đồng. Chia phần: Chu Minh V 31.500.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*); Chu Đình T 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*); Lê Thành N 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*); Lê Văn N 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Buộc bị cáo Chu Đình T bồi thường cho bà Phạm Thị H trị giá vàng số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh S, Chu Minh V, Lê Thành N, Nguyễn Thế T (người đại diện bà Nguyễn Thị T mẹ bị cáo T), bà Nguyễn Thị T (người đại diện cho Nguyễn Văn H) liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị B số tiền 120.000.000 đồng. Chia phần: Nguyễn Thanh S 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*); Chu Minh V 33.000.000 đồng (Chu Minh V đã bồi thường được 30.000.000 đồng), còn lại 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*); Nguyễn Thế T 31.000.000 đồng (Nguyễn Thế T đã bồi thường xong 31.000.000 đồng); Lê Thành N 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*); bà Nguyễn Thị T 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S bồi thường cho bà Đỗ Thị B trị giá vàng số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Giành quyền dân sự cho Lê Thành N đối với số tiền Nhân bồi thường cho Lê Văn T khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật dân sự.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 đoạn thép dài 20cm, một đầu nhọn, một đầu bè; 01 lưỡi cưa kích thước 31x02cm; 01 xà beng bằng thép có 06 cạnh, một đầu nhọn một đầu bè, dài 135cm. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 31/BBGN ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

Tiếp tục quy trữ 01 xe môtô không rõ loại, không gắn biển kiểm soát, không có số khung, có số máy 00446776 (Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 31/BBGN ngày 19/4/2021) và số tiền 2.033.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa theo Ủy nhiệm chi ngày 16/4/2021 của đơn vị trả tiền là Công an huyện Hoằng Hóa và được xử lý trong vụ án đối với Lê Văn T (Lê Văn T đã được tách vụ án).

Về án phí: Buộc các bị cáo Chu Minh V, Lê Thành N, Nguyễn Thanh S, Chu Đình T, Lê Văn N và Nguyễn Thế T mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo Chu Minh V chịu 1.725.000 đồng (*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); Lê Thành N chịu 450.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*); Nguyễn Thanh S chịu 14.800.000 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng*); Chu Đình T chịu 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*); Lê Văn N chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Công an huyện Hoằng Hóa;*
- *Cơ quan THA hình sự huyện Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Hoằng Hóa;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*